

## KẾT QUẢ KINH DOANH

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 84,600 VNĐ |         |         |
| 31/12/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | 0%         | -       | -       |

|             |        |                          |  |
|-------------|--------|--------------------------|--|
| DT<br>thuần | 2024   |                          |  |
|             | 117    | YoY<br>▼ 54.0<br>▼ 31.5% |  |
|             | tỷ VNĐ |                          |  |

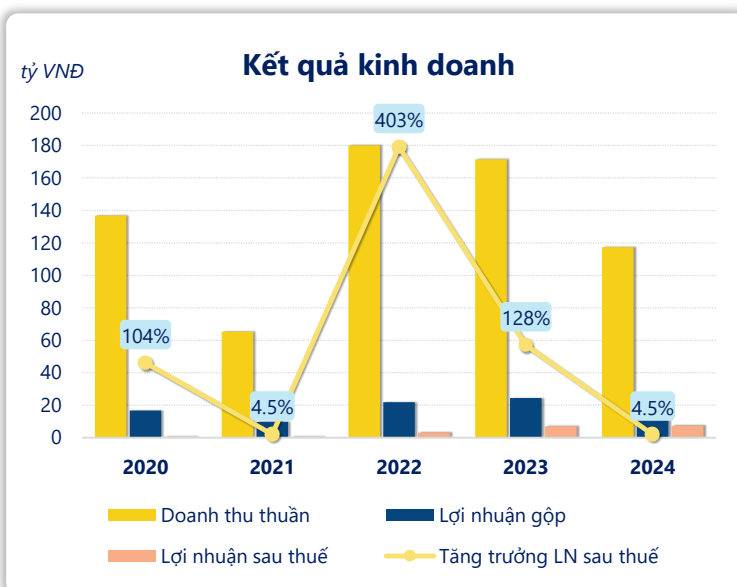
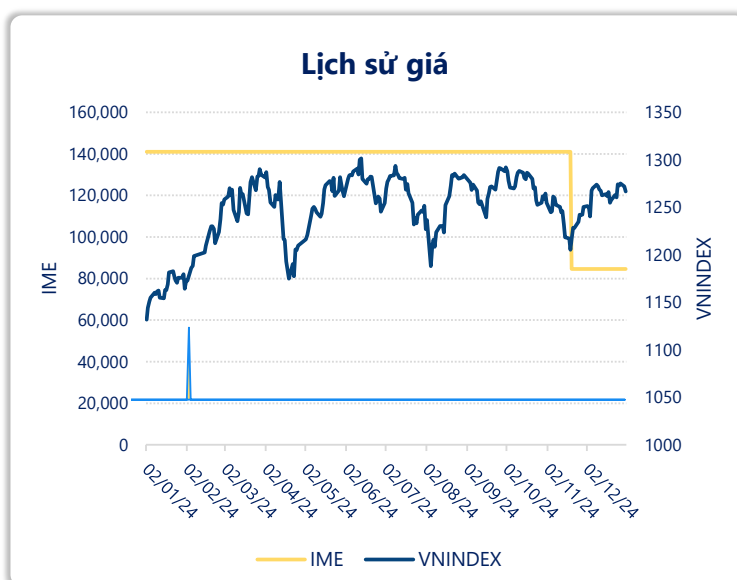
|        |        |                         |  |
|--------|--------|-------------------------|--|
| LN gộp | 2024   |                         |  |
|        | 22.7   | YoY<br>▼ 1.80<br>▼ 7.2% |  |
|        | tỷ VNĐ |                         |  |

|             |        |                          |  |
|-------------|--------|--------------------------|--|
| LN<br>thuần | 2024   |                          |  |
|             | 8.08   | YoY<br>▲ 1.60<br>▲ 24.7% |  |
|             | tỷ VNĐ |                          |  |

|                |        |                         |  |
|----------------|--------|-------------------------|--|
| LN sau<br>thuế | 2024   |                         |  |
|                | 7.30   | YoY<br>▲ 0.31<br>▲ 4.5% |  |
|                | tỷ VNĐ |                         |  |

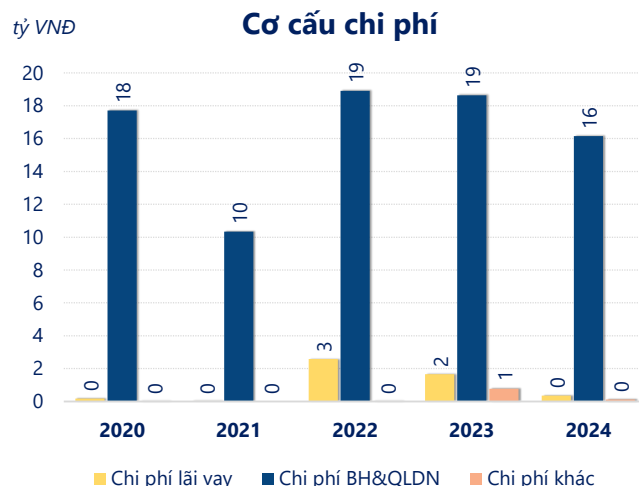
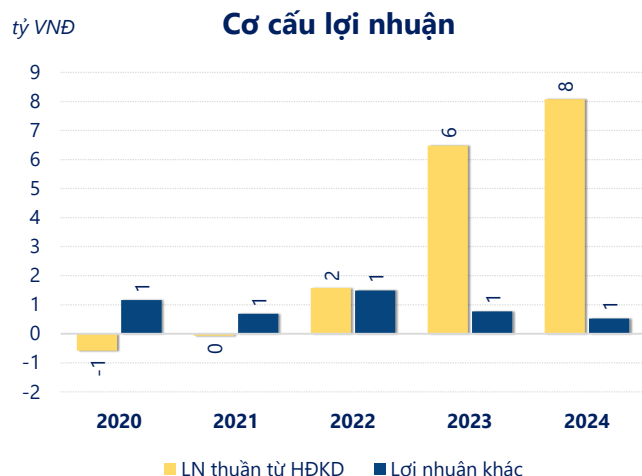
|     |       |                   |  |
|-----|-------|-------------------|--|
| ROE | 2024  |                   |  |
|     | 18.1% | +/- YoY<br>▼ 2.9% |  |
|     |       |                   |  |

|     |      |                   |  |
|-----|------|-------------------|--|
| ROA | 2024 |                   |  |
|     | 9.7% | +/- YoY<br>▲ 2.6% |  |
|     |      |                   |  |



Kết quả kinh doanh **IME** năm **2024**, doanh thu thuần **giảm mạnh 31.5%** chỉ còn **117.5** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 7.30 tỷ đồng **tăng 4.47%**.

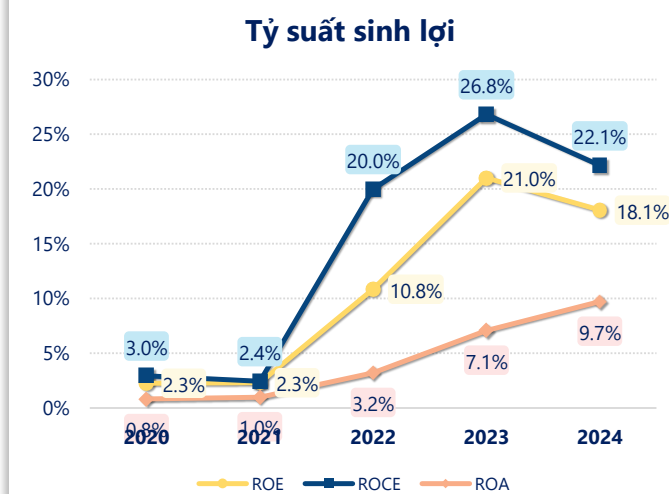
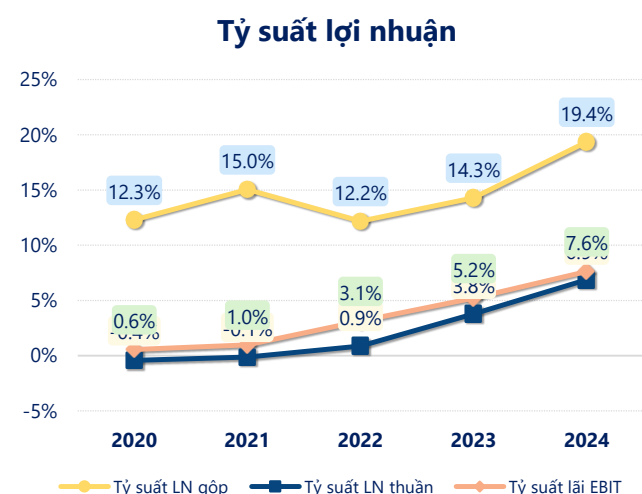
Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với **ROE** đạt **18.1%**. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.



Năm **2024**, IME có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **8.08** tỷ đồng, **tăng lên 1.60** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (3.10 tỷ đồng) là 4.98 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

**Chi phí lãi vay giảm xuống** so với năm trước, còn **0.35** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **16.15** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.12** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

**ROE** của IME năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **18.1%**, tuy nhiên vẫn **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



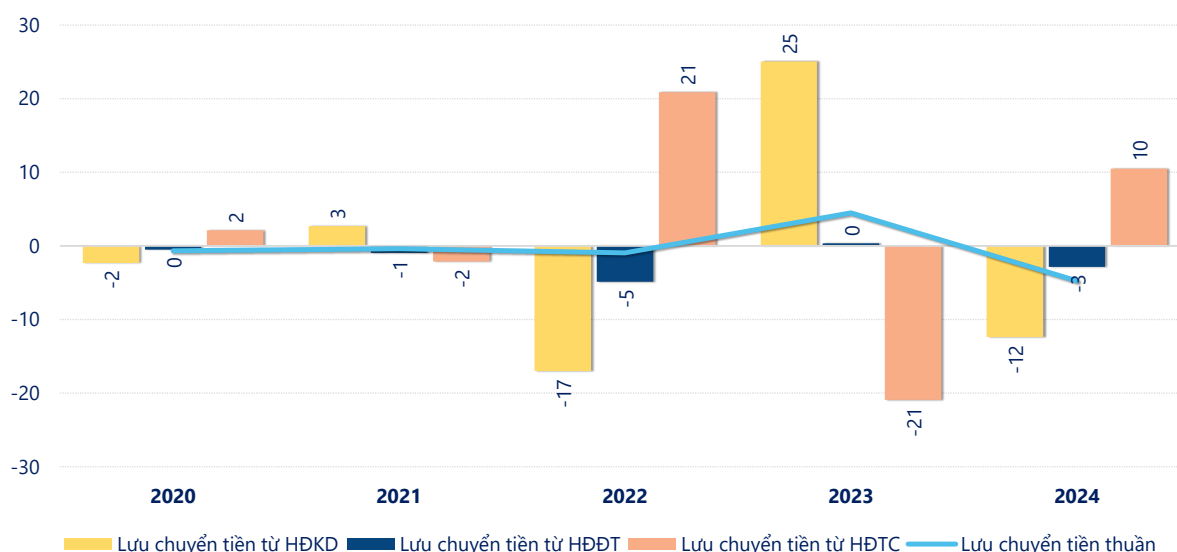
## KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

|                           | 2020         | 2021         | 2022        | 2023        | 2024        |
|---------------------------|--------------|--------------|-------------|-------------|-------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>    | <b>137</b>   | <b>65.3</b>  | <b>180</b>  | <b>171</b>  | <b>117</b>  |
| Giá vốn hàng bán          | 120          | 55.5         | 158         | 147         | 94.7        |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>      | <b>16.8</b>  | <b>9.82</b>  | <b>21.9</b> | <b>24.5</b> | <b>22.7</b> |
| Doanh thu HĐTC            | 0.54         | 0.67         | 1.15        | 3.35        | 2.12        |
| Chi phí TC                | 0.21         | 0.22         | 2.58        | 2.74        | 0.63        |
| <b>Chi phí lãi vay</b>    | <b>0.18</b>  | <b>0.04</b>  | <b>2.58</b> | <b>1.67</b> | <b>0.35</b> |
| LN trong công ty LKLD     | 0            | 0            | 0           | 0           | 0           |
| Chi phí bán hàng          | 3.96         | 2.86         | 6.40        | 3.52        | 3.18        |
| Chi phí QLDN              | 13.7         | 7.48         | 12.5        | 15.1        | 13.0        |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>   | <b>-0.58</b> | <b>-0.08</b> | <b>1.58</b> | <b>6.48</b> | <b>8.08</b> |
| Lợi nhuận khác            | 1.16         | 0.68         | 1.48        | 0.77        | 0.52        |
| <b>LN trước thuế</b>      | <b>0.58</b>  | <b>0.61</b>  | <b>3.06</b> | <b>7.25</b> | <b>8.60</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | <b>0.58</b>  | <b>0.61</b>  | <b>3.06</b> | <b>6.99</b> | <b>7.30</b> |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b> | <b>0.58</b>  | <b>0.61</b>  | <b>3.06</b> | <b>6.99</b> | <b>7.30</b> |

tỷ VNĐ

## Lưu chuyển tiền



**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2024 của IME bằng **-4.74** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (4.49 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-12.38** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-2.85** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **10.50** tỷ đồng.